

Bản án số: 142/2024/DS-ST

Ngày: 21/5/2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hội
và hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TÔNG VĂN TỰ**

2. Bà **ÂU THỊ NGỌC HOA**

- Thư ký phiên tòa: Ông **CAO TRẦN KHẮC HUY** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hội và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị Minh N**, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị **Võ Thị L**, sinh năm 1979 (Có mặt)

Anh **Phạm Văn K**, sinh năm 1978 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 08/4/2024 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Minh N trình bày:

Chị là đầu thảo hội. Anh K, chị L là hội viên, có tham gia các dây hội sau:

+ Dây hội thứ nhất: Hội 1.000.000đ/tháng, khai 01 lần, mở ngày 29/01/2021 gồm 30 hội viên, hội mãn 29/4/2023, anh K, chị L tham gia 01 phần. Tại kỳ hội thứ nhất, anh chị hót hội và không đóng hội chết, còn nợ lại 20.000.000 đồng.

+ Dây hội thứ hai: Hội 1.000.000đ/tháng, khai 01 lần, mở ngày 19/01/2022 gồm 30 hội viên, hội mãn ngày 29/5/2024, anh K, chị L tham gia 03 phần. Tại kỳ hội thứ nhất, anh chị hót hội và không đóng hội chết, còn nợ lại 69.000.000 đồng.

+ Dây hội thứ ba: Hội 1.000.000đ/tháng, khai 01 lần, mở ngày 19/7/2022 gồm 36 hội viên, hội mãn ngày 19/7/2025, anh K, chị L tham gia 01 phần. Tại kỳ hội thứ nhất, anh chị hót hội và không đóng hội chết, còn nợ lại 35.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ hội là 124.000.000 đồng.

Ngoài ra, anh K, chị L cần tiền làm ăn nên có mượn chị các khoản tiền cụ thể:

Ngày 01/8/2022, mượn số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 18/8/2022, mượn số tiền 36.000.000 đồng.

Thời hạn 10 ngày kể từ ngày 18/8/2022 sẽ trả, nhưng đến nay anh K, chị L vẫn chưa trả cho chị.

Chị yêu cầu anh K, chị L liên đới trả số tiền hui 124.000.000 đồng và số tiền mượn là 36.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh của số tiền mượn với mức 0,83%/tháng kể từ ngày 18/9/2022 đến ngày xét xử.

Tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chị N chỉ yêu cầu anh K, chị L liên đới trả số tiền hui 124.000.000 đồng và số tiền mượn là 36.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất phát sinh.

Theo tờ tự khai không đề ngày tháng năm và lời khai tại Tòa, bị đơn chị Võ Thị L trình bày:

Chị thống nhất có tham gia hui do chị N làm đầu thảo và có mượn tiền của chị N để làm ăn. Hiện còn thiếu chị N số tiền hui là 124.000.000 đồng, tiền mượn là 36.000.000 đồng, chồng chị không biết. Chị đồng ý trả cho chị N nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến hết nợ, xin bỏ lãi.

Anh Phạm Văn K không có văn bản ý kiến, nhưng có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn liên đới trả số tiền hui là 124.000.000 đồng và tiền mượn là 36.000.000 đồng, tổng cộng là 160.000.000 đồng, không yêu cầu trả số tiền 9.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Bị đơn chị L thống nhất trả nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến hết nợ. Anh K có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Anh Phạm Văn K có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh.

[2] Xét, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên tại phần nội dung vụ án là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung:

[3] Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, tại Tòa, bản thân chị L đã xác định có tham gia 03 dây hui do chị N làm đầu thảo và còn nợ lại số tiền 124.000.000 đồng. Đồng thời, chị có vay của chị N số tiền 36.000.000 đồng chưa trả. Chị L cũng thống nhất trả nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến hết nợ. Việc xin trả dần của chị là không có cơ sở và không được nguyên đơn đồng ý.

Thêm vào đó, tại Tòa, chị L cho rằng việc chị tham gia hui và vay tiền của chị N thì anh K không biết là không thuyết phục trong khi chị xác định việc hui và vay tiền có phục vụ cho đời sống của hai vợ chồng cũng như anh K không có văn bản ý kiến gì liên quan đến việc này nên từ đó anh K phải có trách nhiệm liên đới cùng với chị L trả số tiền còn nợ cho chị N theo luật định.

Từ đó, Tòa án có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị Minh N buộc bị đơn Võ Thị L, Phạm Văn K phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho chị

N số tiền hui còn thiếu là 124.000.000 đồng và tiền vay là 36.000.000 đồng, tổng cộng là 160.000.000 đồng theo luật định.

[4] Về án phí: Bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, 357, 466, 468, 469, 470, 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Minh N.

Buộc chị Võ Thị L, anh Phạm Văn K phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho chị Bùi Thị Minh N số tiền hui là 124.000.000 đồng và tiền vay là 36.000.000 đồng. Tổng cộng là 160.000.000 đồng.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị L, anh K chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của chị N yêu cầu chị L, anh K liên đới trả tiền lãi phát sinh.

Về án phí:

Chị L, anh K phải liên đới chịu 8.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị N số tiền 4.149.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0015206 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Xuân Lam

